

Bản án số: 05/2019/HNGĐ - ST

Ngày 29-5-2019

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Khánh.

2. Bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú hiện nay: Thôn V, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang P, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N, địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày: Chị kết hôn với

anh Nguyễn Quang P ngày 12-8-2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 01-2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P sa ngã vào tệ nạn xã hội và bị nghiện ma túy, chị đã động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh P không từ bỏ được ma túy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; đến ngày 21-4-2017 anh P bị Công an tỉnh Hà Nam bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử, kết án 04 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Từ tháng 4-2017 chị đã bỏ về ở tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn V, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và anh chị li thân nhau từ đó đến nay không còn quan hệ, gặp gỡ gì nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang P.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 14-3-2019 tại Trại giam N, bị đơn là anh Nguyễn Quang P trình bày: Về thời gian, điều kiện anh kết hôn với chị Trịnh Thị T đúng như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận với nhau tại xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam nhưng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, đến ngày 21-4-2017 anh vi phạm pháp luật, sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam kết án 04 năm tù. Từ tháng 4-2017 anh và chị T đã li thân nhau, không còn quan tâm gặp gỡ nhau nữa. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị T không còn, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn để chị T sớm được ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị T và anh P thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Nguyễn Quang H, sinh ngày 02-12-2015, hiện nay đang do chị T nuôi dưỡng. Tuy nhiên, anh chị không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung. Cả chị T và anh P đều xin được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu bên kia phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị T, anh P thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên toà, thành phần Hội đồng xét xử được đảm bảo, các bước tiến hành của Hội đồng xét xử đều thực

hiện đúng quy định; Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị T và anh P đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Quang P. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 02-12-2015 cho chị T nuôi dưỡng. Anh P không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Nguyễn Quang P đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam, anh đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, có xác nhận của Trại giam N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Quang P là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 12-8-2013 tại UBND xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được khoảng gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, đã sa ngã vào tệ nạn xã hội và bị nghiện ma túy; chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh P không từ bỏ được ma túy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay cả chị T và anh P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng nhất trí ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị T và anh P thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị T được ly hôn anh P là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh P có một con chung tên là Nguyễn Quang H, sinh ngày 02-12-2015, hiện nay đang do chị T nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay cháu H đang còn nhỏ, chị T có sức khỏe và thu nhập ổn định, bản thân anh P đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng cháu H, anh P không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn*: Chị T, anh P không đề nghị Tòa án giải quyết đối với những vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Quang P.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị T được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 02-12-2015. Anh Nguyễn Quang P không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0002356 ngày 21-02-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. (Chị Trịnh Thị T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS H. Bình Lục;
- UBND xã L, TP P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thạo

